

Hồng Thái Đông, ngày 03 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Thông báo công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế giữa học kì 2 năm học 2022-2023, ngân sách quý 1 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thông tư về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của
hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính
Thông tư Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách,
tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày
15/6/2017 của Bộ tài chính Thông tư Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với
đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Thông báo công
khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế giữa học kì 2 năm học 2022-2023,
ngân sách quý 1 năm 2023 tại phòng Hội đồng, bảng tin của nhà trường.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử trường;
- Bảng tin của nhà trường;
- Các tổ CM (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Thúy Hằng

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TH HỒNG THÁI ĐÔNG

Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

(Đính kèm Quyết định số: ~~14~~ **14** QĐ- THHTĐ ngày ~~1~~ **1** / ~~9~~ **9** / 202**1** của trường TH Hồng Thái Đông

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
01	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
02	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
03	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1,879,859,088
01	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
02	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
03	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1,879,859,088
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1,879,859,088
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thúy Hằng

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU

TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Giữa HKII năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh					182	
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày						
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
	a. Tự phục vụ	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	290				140	150
	- Đạt	120				42	78
	- Cần cố gắng	0				0	0
	b. Hợp tác	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	258				123	135
	- Đạt	152				59	93
	- Cần cố gắng	0				0	0
	c. Tự học giải quyết vấn đề	409				182	227
	Chia ra: - Tốt	241				106	135
	- Đạt	166				74	92
	- Cần cố gắng	2				2	0
2	Phẩm chất						
	a. Chăm học chăm làm	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	257				106	151
	- Đạt	153				76	77
	- Cần cố gắng	0				0	0
	b. Tự tin trách nhiệm	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	268				115	153
	- Đạt	142				67	75
	- Cần cố gắng	0				0	0
	c. Trung thực kỷ luật	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	298				145	153
	- Đạt	112				37	75
	- Cần cố gắng	0				0	0
	d. Đoàn kết yêu thương	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	307				155	152
	- Đạt	103				27	76
	- Cần cố gắng	0				0	0
*	Về năng lực chung						

	1. Tự chủ và tự học	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	383	117	129	137		
	- Đạt	159	42	47	70		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	2. giao tiếp và Hợp tác	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	396	121	133	142		
	- Đạt	146	38	43	65		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	3. Giải quyết vấn đề và Hợp tác	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	393	125	131	137		
	- Đạt	149	34	45	70		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Về năng lực đặc thù						
	1.Ngôn ngữ	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	354	122	111	121		
	- Đạt	148	35	50	63		
	- Cần cố gắng	2	2	0	0		
	2. Tính toán	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	367	126	118	123		
	- Đạt	136	32	43	61		
	- Cần cố gắng	1	1	0	0		
	3. Khoa học	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	371	130	119	122		
	- Đạt	133	29	42	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	4. Công nghệ	184	x	x	184	x	x
	Chia ra: - Tốt	121	x	x	121	x	x
	- Đạt	63	x	x	63	x	x
	- Cần cố gắng	0	x	x	0	x	x
	5. Tin học	184	x	x	184	x	x
	Chia ra: - Tốt	123	x	x	123	x	x
	- Đạt	61	x	x	61	x	x
	- Cần cố gắng	0	x	x	0	x	x
	6. Thẩm mỹ	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	366	128	116	122		
	- Đạt	138	31	45	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	7. Thể chất	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	376	136	118	122		
	- Đạt	128	23	43	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Về phẩm chất chủ yếu						
	1. Yêu nước	542	159	176	207		

	Chia ra: - Tốt	422	141	141	140		
	- Đạt	120	18	35	67		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	2. Nhân ái	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	417	135	142	140		
	- Đạt	125	24	34	67		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	3. Chăm chỉ	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	401	123	138	140		
	- Đạt	139	34	38	67		
	- Cần cố gắng	2	2	0	0		
	4. Trung thực	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	414	135	141	138		
	- Đạt	128	24	35	69		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	5. Trách nhiệm	508	159	176	173		
	Chia ra: - Tốt	402	135	144	123		
	- Đạt	106	24	32	50		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Xếp loại GD						
	Chia ra: - HTXS						
	- HTT						
	- HT						
	- CHT						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
	1. Tiếng Việt	952	159	176	207	182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	494	92	107	125	79	91
	- Hoàn thành	448	65	69	82	97	135
	- Chưa hoàn thành	10	2	0	0	6	2
	2. Toán	951	159	176	207	182	227
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	576	120	116	140	66	134
	- Hoàn thành	373	38	60	67	115	93
	- Chưa hoàn thành	2	1	0	0	1	0
	3. Khoa học	410				182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	243	x	x	x	109	134
	- Hoàn thành	167	x	x	x	73	94
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	4. Lịch sử & Địa lý	410				182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	242	x	x	x	103	139
	- Hoàn thành	168	x	x	x	79	89
	- Chưa hoàn thành	0				0	0

5. Ngoại ngữ	951	159	176	206	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	478	85	94	118	76	105
- Hoàn thành	473	74	82	88	106	123
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
6. Tiếng dân tộc						
Chia ra: - Hoàn thành tốt						
- Hoàn thành						
- Chưa hoàn thành						
7. Tin học	749		132	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	473	x	90	164	111	108
- Hoàn thành	276	x	42	43	71	120
- Chưa hoàn thành	0	x	0	0	0	0
8. Đạo đức	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	652	125	118	139	116	154
- Hoàn thành	300	34	58	68	66	74
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
9. Tự nhiên và Xã hội	541	159	176	206		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	364	119	112	133	x	x
- Hoàn thành	177	40	64	73	x	x
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	x	x
10. Âm nhạc	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	601	111	120	134	109	127
- Hoàn thành	351	48	56	73	73	101
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11. Mĩ thuật	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	694	125	117	162	114	176
- Hoàn thành	258	34	59	45	68	52
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
12. Hoạt động trải nghiệm	541	158	176	207		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	363	118	114	131	x	x
- Hoàn thành	178	40	62	76	x	x
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	x	x
13. Kỹ thuật	410	x	x	x	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	277	x	x	x	122	155
- Hoàn thành	133	x	x	x	60	73
- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
14. Thể dục/GDTC	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	655	118	111	143	106	177
- Hoàn thành	297	41	65	64	76	51
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
15. Công nghệ	207	x	x	207	x	x
Chia ra: - Hoàn thành tốt	133	x	x	133	x	x

	- Hoàn thành	74	x	x	74	x	x
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	x	x
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
	HS ở lại lớp						
2	Khen thưởng						
a	Chia ra: - HS XS (HS XS trong học tập và rèn luyện)						
b	- HS Tiêu biểu (HS khen từng mặt)						

Hồng Thái Đông, ngày tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



 Dương Thị Thuý Hồng